

Số: 681/BC-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 9 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THỐNG KÊ ĐỊNH KỲ QUÝ 1 NĂM 2020
(Tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2020)

I. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

Cao đẳng	Đại học	Cao học	Nghiên cứu sinh	Tổng cộng	Ghi chú
0	99 (có 2 ngành đào tạo Chương trình tiên tiến và 8 ngành đào tạo Chương trình chất lượng cao)	48 (01 ngành liên kết nước ngoài; 03 ngành bằng tiếng Anh) và 04 chuyên ngành	19	166	

II. SINH VIÊN - HỌC VIÊN

Trình độ đào tạo	Tổng số (người)	Nữ	Tỉ lệ nữ (%)	Ghi chú
1. Đại học và cao đẳng	45,313	22,098	48.77	
1.1. Chính quy	30,319	15,345	50.61	
1.2. Cử tuyển	17	6	35.29	
1.3. Liên thông CQ	607	324	53.38	
1.4. Bằng 2 CQ	167	84	50.30	
1.5. Vừa làm vừa học địa phương	3,781	1,634	43.22	
1.6. Vừa làm vừa học tại trường	1,284	532	41.43	
1.7. Đào tạo từ xa	2,318	901	38.87	
2. Sau đại học	2,408	1,108	46.01	
2.1. Thạc sĩ	2,107	977	46.37	
2.2. Tiến sĩ	301	131	43.52	
3. Người học nước ngoài	40	15	37.50	
3.1. Sinh viên đại học/cao đẳng	3	0	0.00	trong đó: 01 chậm tiến độ
3.2. Học viên sau đại học	37	15	40.54	
4. Người học khác	962	513	53.33	
4.1. Xét tuyển thẳng	751	404	53.79	
4.2. Dự bị xét tuyển thẳng	211	109	51.66	

III. SỐ LƯỢNG SINH VIÊN - HỌC VIÊN THEO ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Đơn vị đào tạo	Đại học	Cao học	NCS	Tổng cộng
1. Khoa Công nghệ	5,911	223	4	6,138
2. Khoa CN Thông tin & TT	3,418	172	7	3,597
3. Khoa Khoa học Chính trị	585	0	0	585
4. Khoa Khoa học Tự nhiên	1,035	184	6	1,225
5. Khoa Khoa học XH&NV	1,329	29	0	1,358
6. Khoa Kinh tế	5,213	445	83	5,741

7. Khoa Luật	1,033	140	0	1173
8. Khoa Môi trường & TNTN	1,266	142	30	1,438
9. Khoa Ngoại ngữ	1,436	134	0	1,570
10. Khoa Nông nghiệp & SHUD	3,819	179	77	4,075
11. Khoa Phát triển nông thôn	1,880	0	0	1,880
12. Khoa Sư phạm	952	123	0	1075
13. Khoa Thủy sản	1,320	99	31	1,450
14. Viện NC PTĐBSCL	98	161	18	277
15. Viện NC&PT CNSH	914	76	45	1035
16. Bộ môn Giáo dục thể chất	110	0	0	110
Tổng cộng	30,319	2,107	301	32,727

IV. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ

1. Công chức, Viên chức, NLĐ	Số lượng	Nữ	Tỉ lệ nữ (%)	Ghi chú
Tổng cộng:	1811	782	43.18	
1.1. Công chức	5	1	20.00	
1.2. Viên chức	1219	521	42.74	
1.2.1. Giảng dạy	1050	433	41.24	
1.2.2. Công tác hành chính	174	89	51.15	
1.3. NLĐ Trường trả lương	270	104	38.52	
1.4. NLĐ Đơn vị trả lương	317	156	49.21	
1.4.1. Giảng dạy	9	7	77.78	
1.4.2. Nghiên cứu	163	67	41.10	
1.4.3. Công tác khác	145	82	56.55	
2. Trình độ	1811	782	43.18	
2.1. Tiến sĩ	458	146	31.88	
2.2. Thạc sĩ	754	379	50.27	
2.3. Đại học	390	183	46.92	
2.4. Cao đẳng	46	15	32.61	
2.5. Trình độ khác	163	59	36.20	
3. Chức danh giảng viên	1076	400	37.17	
3.1. Giáo sư	9	0	0.00	
3.2. Phó Giáo sư	139	32	23.02	
3.3. Giảng viên chính (Tiến sĩ)	124	46	37.10	
3.4. Giảng viên chính (Thạc sĩ)	106	49	46.23	
3.5. Giảng viên (Tiến sĩ)	180	65	36.11	
3.6. Giảng viên (Thạc sĩ)	494	206	41.70	
3.7. Giảng viên (Đại học)	24	2	8.33	

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nội dung	ĐVT	Tổng số	Ghi chú
1. Tổng diện tích đất đai	m²	2.249.773,47	
1.1. Diện tích khu 1	m ²	62.251,50	
1.2. Diện tích khu 2	m ²	714.200,97	

1.3. Diện tích khu 3	m ²	5.527,20	
1.4. Diện tích khu Hoà An	m ²	1.112.901,00	
1.5. DT đất lò gạch Bùng Bình	m ²	23.726,00	
1.6. DT đất Trại thực nghiệm Vĩnh Châu	m ²	171.142,10	
1.7. DT đất Nhà cộng đồng An Bình	m ²	291,00	
1.8. DT đất tại tỉnh Kon Tum	m ²	159.733,70	
2. Giảng đường, hội trường, phòng học			
2.1. Số phòng/hội trường	phòng	290	
2.2. Tổng diện tích	m ²	61.007,70	
3. Phòng học ngoại ngữ, đa phương tiện, biên dịch			
3.1. Số phòng	phòng	09	
3.2. Tổng diện tích	m ²	510	
4. Thư viện và Trung tâm học liệu	m ²	12.276,00	
5. Phòng thí nghiệm, thực hành thí nghiệm, thực hành máy tính, xưởng, trại và bệnh xá thú y			
5.1. Số phòng	phòng	134	
5.2. Tổng diện tích	m ²	45.976,48	
6. Ký túc xá			
6.1. Số phòng	phòng	1.391	
6.2. Tổng diện tích	m ²	77.259,12	
7. Nhà ăn của cơ sở đào tạo	m ²	2.320,00	
8. Nhà thể dục thể thao (02 nhà)	m ²	4.965,00	
9. Sân vận động và sân TDTT (Khu I: 02 sân cầu lông + 01 sân tennis; Khu II: 03 sân bóng đá, 15 sân bóng chuyên, 02 sân cầu lông, 02 sân TDTT ngoài trời); Khu Hòa An: 03 sân TDTT ngoài trời, 01 sân bóng đá nền cát, 06 sân bóng đá cỏ nhân tạo	m ²	55.879,00	



HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn